TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 - 2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Cẩm Tú.
Ông La Văn Việt.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 517/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị N, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh L.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Ô 6, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.
(Chị N có mặt, anh P vắng mặt – Đã triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 11 tháng 5 năm 2018, chị Phùng Thị N trình bày: Chị với anh Nguyễn Thanh P kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

Trong thời gian đầu sống chung vợ chồng có hạnh phúc nhưng kể từ năm 2017 thì vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Để giữ hạnh phúc gia đình, chị đã nhiều lần khuyên răn nhưng anh P vẫn không khắc phục dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên chị về nhà cha mẹ ruột ở từ đó đến nay. Thấy rằng vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị xin ly hôn với anh P.

Quá trình chung sống, chị và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Nguyệt C sinh ngày 07/8/2003 và Nguyễn Thu V sinh ngày 22/11/2010. Từ khi chị ly thân với anh P, con chung tên Nguyệt C ở với anh P còn con tên Thu V ở với chị.

Chị và anh P không có tài sản chung và cũng không có nợ ai. Khi ly hôn chị xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi thụ lý vụ án,Tòa án nhân dân huyện Đ có thông báo cho anh P biết về yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh P không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo theo quy định của pháp luật nhưng anh P cũng không đến Tòa án nên chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ.

Tại văn bản ngày 27/6/2018, con chung của chị N và anh P tên Nguyễn Nguyệt C có nguyện vọng ở với anh P và Nguyễn Thu V có nguyện vọng ở với chị N khi chị N với anh P ly hôn.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P, nếu con chung có nguyện vọng ở với chị thì chị nuôi, ở với anh P thì anh P nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Chị Phùng Thị N xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh P là thuộc quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

1.2. Anh P là bị đơn có địa chỉ tại khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Anh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Chị Phùng Thị N với anh Nguyễn Thanh P kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L là phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Chị Phùng Thị N cho rằng chị và anh Nguyễn Thanh P đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên tình cảm của chị đối với anh P không còn nữa, do đó chị xin ly hôn với anh P.

2.3. Đối với anh P vắng mặt tại phiên tòa mà cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của chị N và cũng không đến để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ, chứng tỏ rằng anh P không có thiện chí đoàn tụ. Vì vậy chị N xin ly hôn với anh P là có căn cứ nên cho chị N ly hôn với anh P là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.4. Về con chung: Xét thấy con chung của chị N và anh P tên Nguyễn Nguyệt C sinh ngày 07/8/2003 có nguyện vọng ở với anh P, còn Nguyễn Thu V có nguyện vọng ở với chị N khi chị N và anh P ly hôn nên tiếp tục giao con tên Nguyễn Nguyệt C cho anh P nuôi và giao Nguyễn Thu V cho chị N tiếp tục nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, chị N không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con, đồng thời chị N cũng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị N phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị N về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh P: Chị Phùng Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

2. Con chung: Chị Phùng Thị N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thu V sinh ngày 22/11/2010, anh Nguyễn Thanh P được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Nguyệt C sinh ngày 07/8/2003.

Chị Phùng Thị N và anh Nguyễn Thanh P đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết chị N và anh P có quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con.

3. Án phí: Buộc chị Phùng Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002829 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ sang án phí để thi hành, chị N không phải nộp tiếp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- UBND thị trấn H
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Thị Kim Thanh